



**BẢNG ĐIỂM CHUẨN XÉT TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027**

(Kèm theo Thông báo số 3979/TB-SGDĐT
ngày 26/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Handwritten signature

TT	Tên trường	Điểm xét tuyển NV1			Điểm xét tuyển NV2		
		Điểm XT	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB Toán + Văn + Ngoại ngữ lớp 9	Điểm XT	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB Toán + Văn + Ngoại ngữ lớp 9
1	THPT An Dương	21.00	8.71		21.50		
2	THPT An Lão	18.25	8.48		19.25		
3	THPT Bạch Đằng	16.35	7.81		16.85		
4	THPT Bến Tắm	16.50	7.10		17.00		
5	THPT Bình Giang	21.50					
6	THPT Cẩm Giàng	21.25	8.74		21.75		
7	THPT Cẩm Giàng II	18.75	8.19		19.25		
8	THPT Cát Bà	14.75			15.50		
9	THPT Cát Hải	14.75	7.04		18.60		
10	THPT Cầu Xe	17.00	7.51		17.50		
11	THPT Chí Linh	22.00					
12	THPT Chu Văn An	15.00	7.74		21.75	7.79	
13	THPT Cộng Hiền	12.60	6.93		13.25		
14	THPT Đồ Sơn	16.10			17.00		
15	THPT Đoàn Thượng	17.60			18.10		
16	THPT Đồng Gia	17.00	7.30		17.75		
17	THPT Đồng Hoà	18.50	9.10		21.85	9.28	
18	THPT Đường An	18.75	7.82		20.00		
19	THPT Gia Lộc	20.25	8.13		21.50		
20	THPT Gia Lộc II	18.25	7.81		18.75		
21	THPT Hà Bắc	18.10	8.09		18.75		
22	THPT Hà Đông	16.50			17.00		
23	THPT Hải An	21.00	8.99		22.75	9.49	
24	THPT Hồng Bàng	21.75	9.39		22.50		
25	THPT Hồng Quang	25.75	8.81				
26	THPT Hưng Đạo	18.00	7.37		18.50		
27	THPT Hùng Thắng	14.25	6.71		14.95		
28	THPT Kê Sặt	18.25	7.82		18.75	7.60	
29	THPT Khúc Thừa Dụ	18.25			18.75		
30	THPT Kiến An	23.25	8.53		25.50		
31	THPT Kiến Thụy	19.60	9.03		21.85		
32	THPT Kim Thành	19.75	7.91		20.50		
33	THPT Kim Thành II	16.50	7.99		17.00		
34	THPT Kinh Môn	20.10	8.23		24.75		
35	THPT Kinh Môn II	15.35	7.96		17.25	7.89	
36	THPT Lê Chân	20.10	8.99		22.75	9.00	
37	THPT Lê Hồng Phong	23.00	9.23		23.50		
38	THPT Lê Ích Mịch	15.50	7.31		16.00		
39	THPT Lê Quý Đôn	24.50	9.44	9.57			



TT	Tên trường	Điểm xét tuyển NV1			Điểm xét tuyển NV2		
		Điểm XT	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB Toán + Văn + Ngoại ngữ lớp 9	Điểm XT	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB Toán + Văn + Ngoại ngữ lớp 9
40	THPT Lý Thường Kiệt	18.25	8.25		20.00		
41	THPT Mạc Đĩnh Chi	18.75	8.54		23.00	8.91	
42	THPT Mạc Đĩnh Chi - Nam Sách	17.75	7.53		18.25		
43	THPT Nam Sách	21.50	8.16	7.97	22.00		
44	THPT Nam Sách II	19.00	7.34		19.50		
45	THPT Ngô Quyền	26.00					
46	THPT Nguyễn Bình Khiêm	13.75	7.28		16.00		
47	THPT Nguyễn Du	23.00	8.49		23.50		
48	THPT Nguyễn Đức Cảnh	15.60	8.13		16.10	7.90	
49	THPT Nguyễn Khuyến	13.25	7.76		13.75		
50	THPT Nguyễn Thị Duệ	9.00			17.00	6.30	
51	THPT Nguyễn Trãi	18.50	7.91		19.00		
52	THPT Nguyễn Văn Cừ	22.25	7.94		23.25	8.76	
53	THPT Nhị Chiểu	17.75	7.26		18.35		
54	THPT Nhữ Văn Lan	14.75	7.31		17.35	7.59	
55	THPT Ninh Giang	19.85	8.05				
56	THPT Phả Lại	17.00	7.54		20.00		
57	THPT Phạm Ngũ Lão	17.75	8.23				
58	THPT Phan Đăng Lưu	18.50	8.58		19.10		
59	THPT Phúc Thành	17.00			19.75		
60	THPT Quang Trung	17.75	7.92		18.25		
61	THPT Quang Trung - Ninh Giang	19.10	7.96		19.75		
62	THPT Quốc Tuấn	16.25	7.84		16.75	8.20	
63	THPT Thái Phiên	25.25	9.34				
64	THPT Thanh Bình	16.50	7.75		17.75	7.88	
65	THPT Thanh Hà	20.50	8.44		24.50		
66	THPT Thanh Miện	19.45			22.25		
67	THPT Thanh Miện II	17.85	7.89		18.50		
68	THPT Thanh Miện III	17.50	8.29		18.00	7.93	
69	THPT Thụy Hương	17.00	7.60		17.50		
70	THPT Thủy Sơn	16.00	7.78	7.00	17.10	7.60	7.87
71	THPT Tiên Lãng	16.75	8.15		17.25		
72	THPT Tô Hiệu	14.75	7.75		15.25	7.29	
73	THPT Toàn Thắng	13.60			14.10		
74	THPT Trần Hưng Đạo	17.50	7.81		18.00		
75	THPT Trần Nguyên Hãn	24.25	9.49		25.00		
76	THPT Trần Phú	17.75	8.38		18.50		
77	THPT Tứ Kỳ	21.00	8.31	8.00	25.25		
78	THPT Tuệ Tĩnh	19.50	7.90		20.00		
79	THPT Vĩnh Bảo	16.00			16.70		
80	THCS - THPT Lý Thánh Tông	14.00	7.23		16.00		



lưu